

**CÔNG TY TNHH FOTOHUBS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FOTOHUBS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FOTOHUBS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FOTOHUBS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108205796

**3. Ngày thành lập:** 30/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 400 đường Quang Trung, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932 373 966

Fax:

Email: [fotohubs.vn@gmail.com](mailto:fotohubs.vn@gmail.com)

Website: [fotohubs.vn](http://fotohubs.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771        |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 3.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630        |
| 4.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5911        |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 6.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Nghiên cứu thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 7.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811        |
| 8.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: cho thuê sân khấu, thiết bị âm thanh, thiết bị ánh sáng, trang phục biểu diễn                                                                                                                                                                                                                                                               | 7730        |
| 9.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8211        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 11. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8552        |
| 12. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Biểu diễn các loại hình nghệ thuật ca múa nhạc, hát quan họ, chèo, cải lương, kịch nói. Viết kịch bản biên đạo múa dàn dựng các chương trình, hội diễn, biểu diễn nghệ thuật. Dịch vụ văn hóa nghệ thuật theo yêu cầu của các tổ chức và cá nhân, sáng tác ca khúc. Tổ chức khai trương động thổ, khánh thành các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội | 9000(Chính) |

|     |                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                           | 1410 |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (không bao gồm kinh doanh lễ hành quốc tế)                  | 7920 |
| 15. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: biểu diễn nghệ thuật: ca múa nhạc, xiếc, ảo thuật   | 9329 |
| 16. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                   | 1322 |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ đấu giá)                                                    | 4610 |
| 18. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                     | 4641 |
| 19. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4742 |
| 20. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại nhà nước cấm)    | 4762 |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                   | 7710 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                         | 4932 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                           | 4933 |
| 24. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>( Trừ những hoạt động nhà nước cấm )                                                              | 7420 |
| 25. | Đại lý du lịch                                                                                                           | 7911 |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                | 8230 |
| 27. | Hoạt động thể thao khác<br>Chi tiết: Thể dục thẩm mỹ, dạy và tổ chức khiêu vũ                                            | 9319 |
| 28. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                            | 7721 |
| 29. | Điều hành tua du lịch                                                                                                    | 7912 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tổ chức và phục vụ hội trợ, triển lãm | 9639 |
| 31. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                     | 1430 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CẢNH CHI  | Số nhà 1C Ngõ 381/47 Đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.040.000.000         | 65,000    | 040087000026                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN TUẤN DŨNG | Số 400 đường Quang Trung, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | 560.000.000           | 35,000    | 001084028022                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN CẢNH CHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040087000026

Ngày cấp: 02/06/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 1C Ngõ 381/47 Đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2-12 Tháp 3 Chung cư Dolphin Plaza, Số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội